

QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN CỦA GIỚI TRẺ Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA

Ths. Lê Thị Thu, Ths. Nguyễn Đạt Tiến
Học viện Hành chính và Quản trị công

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích quyền tiếp cận thông tin của giới trẻ ở Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia, nhằm đánh giá mức độ thụ hưởng thông tin, nhận diện các rào cản và đề xuất giải pháp nâng cao năng lực tiếp cận thông tin số cho thanh niên. Nghiên cứu góp phần làm rõ vai trò của thanh niên trong chuyển đổi số quốc gia và nhấn mạnh nhu cầu xây dựng chính sách giáo dục kỹ năng số, tăng cường hệ sinh thái thông tin minh bạch, công bằng và phù hợp với nhu cầu tiếp cận đa dạng của thanh niên. Kết quả có thể được ứng dụng trong hoạch định chính sách thanh niên, truyền thông công cộng và phát triển nguồn nhân lực số.

Từ khóa: Quyền tiếp cận thông tin, Giới trẻ, Chuyển đổi số, chính sách thông tin

THE RIGHT TO ACCESS INFORMATION OF YOUTH IN VIETNAM IN THE CONTEXT OF NATIONAL DIGITAL TRANSFORMATION

M.A Le Thi Thu, M.A Nguyen Tien Dat
Academy of Public Administration and Governance

Abstract: This article focuses on analyzing the right to access information among young people in Vietnam in the context of the country's national digital transformation. It aims to assess the level of information accessibility, identify existing barriers, and propose solutions to enhance digital information access capabilities among youth. The study contributes to clarifying the role of young people in the national digital transformation process and emphasizes the need to develop policies on digital literacy education, as well as to strengthen a transparent and equitable information ecosystem that meets the diverse access needs of youth. The results can be applied to youth policy planning, public communication, and the development of digital human resources.

Keywords: Right to access information, Youth, Digital transformation, Information policy.

Nhận bài: 05/05/2025

Phản biện: 05/06/2025

Duyệt đăng: 09/06/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ tại Việt Nam, quyền tiếp cận thông tin được xem là một yếu tố then chốt thúc đẩy phát triển xã hội số, đảm bảo quyền công dân và nâng cao chất lượng sống. Thanh niên – nhóm dân số năng động, chiếm tỷ lệ lớn trong cơ cấu dân số quốc gia – là lực lượng tiên phong trong sử dụng công nghệ và truyền thông số. Tuy nhiên, không phải tất cả giới trẻ đều có khả năng tiếp cận, sử dụng và khai thác thông tin một cách bình đẳng, hiệu quả. Sự khác biệt về điều kiện kinh tế – xã hội, vùng miền, trình độ học vấn và kỹ năng số đã tạo ra những rào cản đáng kể trong tiếp cận thông tin, làm sâu sắc thêm khoảng cách số giữa các nhóm thanh niên. Trong khi đó, chuyển đổi số quốc gia không chỉ là quá trình hiện đại hóa hạ tầng công nghệ, mà còn là tiến trình tái cấu trúc xã hội, trong đó quyền tiếp cận thông tin cần được đảm bảo như một quyền cơ bản của công dân, đặc biệt với thanh niên – lực lượng then chốt trong tương lai của nền kinh tế số. Tuy nhiên, hiện vẫn còn thiếu những nghiên cứu kết hợp giữa đo lường định lượng và phân tích định tính để hiểu rõ cả quy mô, chiều sâu và sắc thái trải nghiệm của giới trẻ khi tiếp cận thông tin trong thời đại số.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận của vấn đề Quyền tiếp cận thông tin

Lý thuyết quyền tiếp cận thông tin (Right to Access Information Theory): Dựa trên quan điểm coi tiếp cận thông tin là một quyền cơ bản của con người, gắn liền với quyền tự do ngôn luận và dân chủ. Lý thuyết này làm rõ rằng việc tiếp cận thông tin không chỉ là vấn đề kỹ thuật (có Internet, có thiết bị), mà còn liên quan đến sự minh bạch, công bằng và năng lực chủ động của người dân trong môi trường thông tin.

Khung năng lực công dân số (Digital Citizenship Framework): Bao gồm các yếu tố như kỹ năng số, đạo đức số, tư duy phản biện và sự tham gia xã hội trong môi trường mạng. Khung này giúp phân tích năng lực thực sự của thanh niên trong việc sử dụng thông tin một cách hiệu quả, có trách nhiệm và an toàn.

Mô hình bất bình đẳng thông tin (Information Inequality Model): Nhấn mạnh đến sự phân tầng trong tiếp cận thông tin do các yếu tố như địa lý, trình độ học vấn, thu nhập và hạ tầng công nghệ. Mô hình này giúp lý giải khoảng cách số giữa các nhóm thanh niên khác nhau ở Việt Nam.

2.2. Kết quả nghiên cứu vấn đề Quyền tiếp cận thông tin của giới trẻ ở Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia

Nghiên cứu về quyền tiếp cận thông tin của giới trẻ Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số cho thấy bức tranh đa chiều với cả điểm sáng và thách thức. Dữ liệu định lượng từ hơn 450 thanh niên trên toàn quốc cho thấy phần lớn đã tiếp cận đa dạng nguồn tin qua mạng xã hội, cổng thông tin điện tử và ứng dụng truyền thông. Tuy nhiên, hiểu biết về “quyền tiếp cận thông tin” như một quyền công dân còn hạn chế, đặc biệt có sự chênh lệch rõ rệt giữa các nhóm vùng miền, trình độ học vấn và thu nhập. Kỹ năng số, niềm tin vào nguồn tin chính thống và sự chủ động tiếp cận là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến hành vi khai thác thông tin.

Kết quả định tính từ phỏng vấn sâu cho thấy thanh niên ngày càng quan tâm đến thông tin công, song vẫn lo ngại về tính minh bạch, sự quá tải và thiếu nền tảng kiến thức pháp lý để bảo vệ quyền của mình. Hạn chế còn đến từ thiếu tương tác chính quyền – người dân trên nền tảng số và thiếu giáo dục công dân số trong trường học.

Vấn đề tiếp cận thông tin được chỉ ra là không chỉ thuộc về kỹ thuật hay công nghệ mà còn là bài toán thể chế và chính sách. Mặc dù Luật Tiếp cận Thông tin đã ban hành, việc triển khai còn hình thức, thiếu cập nhật, giao diện khó sử dụng, nhất là với nhóm trẻ quen dùng nền tảng số hiện đại. Giáo dục hiện hành cũng chưa tích hợp kỹ năng tiếp cận thông tin số, làm giảm nhận thức về quyền và trách nhiệm công dân số.

Do đó, để bảo đảm quyền tiếp cận thông tin cho giới trẻ, cần chính sách toàn diện phát triển hạ tầng kỹ thuật lẫn năng lực số, cải thiện tính minh bạch và khả năng tương tác số giữa người dân và cơ quan nhà nước.

Về kết quả nghiên cứu định lượng

Mẫu nghiên cứu và phương pháp xử lý dữ liệu

Cuộc khảo sát định lượng được tiến hành với mẫu gồm 450 thanh niên Việt Nam trong độ tuổi từ 18 đến 30, đại diện cho các vùng miền Bắc, Trung, Nam, với sự phân bổ cân đối về giới tính, trình độ học vấn, thu nhập và khu vực cư trú (thành thị – nông thôn). Việc lựa chọn mẫu đảm bảo tính đại diện cho đối tượng nghiên cứu, giúp phản ánh chính xác thực trạng quyền tiếp cận thông tin của giới trẻ trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia. Dữ liệu được thu thập thông qua bảng câu hỏi điện tử và trực tiếp, sau đó được nhập liệu, làm sạch và

phân tích bằng phần mềm SPSS phiên bản 26 nhằm đảm bảo độ tin cậy và chính xác của kết quả.

Thực trạng tiếp cận thông tin của giới trẻ

Phân tích thống kê mô tả bằng SPSS cho thấy thanh niên Việt Nam hiện nay có tần suất tiếp cận thông tin cao và chủ yếu qua nền tảng số. 85,3% người khảo sát thường xuyên truy cập thông tin trực tuyến, với mạng xã hội như Facebook, YouTube, Zalo, TikTok là nguồn phổ biến nhất (78%). Ngược lại, chỉ khoảng 40% thường xuyên sử dụng các kênh thông tin chính thống như cổng thông tin điện tử nhà nước, báo chí uy tín. Điều này phản ánh xu hướng chuyển dịch trong hành vi tiếp nhận thông tin, từ các nguồn kiểm chứng sang kênh thông tin nhanh, đa chiều nhưng thiếu kiểm soát nội dung.

Một vấn đề đáng lo ngại là sự phụ thuộc vào thuật toán mạng xã hội khiến người trẻ thường bị giới hạn trong “vòng lặp xác nhận” (confirmation bias), khó tiếp cận các thông tin đối lập hay chính sách chính thức từ nhà nước. Điều này có thể dẫn đến nguy cơ lan truyền thông tin sai lệch và suy giảm niềm tin vào các thể chế chính thống nếu thiếu sự điều tiết phù hợp từ phía quản lý và giáo dục.

Ngoài ra, kỹ năng đánh giá độ tin cậy thông tin còn hạn chế. Có đến 57,6% người được hỏi không thường kiểm chứng trước khi chia sẻ, và chỉ 21,4% khẳng định có khả năng xác thực nguồn tin. Điều này chỉ ra lỗ hổng lớn trong giáo dục truyền thông và kỹ năng số cho thanh niên. Tổng thể, mặc dù giới trẻ thể hiện sự năng động trong tiếp cận thông tin số, nhưng vẫn còn nhiều thách thức để đảm bảo quyền tiếp cận thông tin một cách đầy đủ, chính xác và có trách nhiệm.

So sánh sự khác biệt về tiếp cận thông tin giữa thành thị và nông thôn

Để kiểm định giả thuyết liên quan đến sự khác biệt về mức độ tiếp cận thông tin giữa thanh niên sống tại khu vực thành thị và nông thôn, nhóm nghiên cứu đã sử dụng phép kiểm định t-test độc lập. Đây là kỹ thuật thống kê thường được áp dụng nhằm so sánh giá trị trung bình của hai nhóm độc lập trong một biến phụ thuộc liên tục, trong trường hợp này là tần suất tiếp cận thông tin qua nền tảng số.

Kết quả kiểm định t-test cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa hai nhóm ($t = 4.37$, $df = 268$, $p < 0.001$). Cụ thể, nhóm thanh niên thành thị có điểm trung bình tần suất tiếp cận thông tin cao hơn đáng kể ($M = 4.35$, $SD = 0.61$) so với nhóm thanh niên nông thôn ($M = 3.72$,

SD = 0.74). Điều này khẳng định sự tồn tại của khoảng cách số rõ rệt giữa các vùng địa lý trong việc tiếp cận thông tin số.

Phân tích này cho thấy thanh niên ở đô thị có điều kiện thuận lợi hơn để truy cập vào các nền tảng số nhờ vào hạ tầng công nghệ thông tin tốt hơn, mức độ phổ cập thiết bị số cao hơn, và môi trường học tập – làm việc tích cực hơn trong việc sử dụng internet. Trong khi đó, thanh niên tại các vùng nông thôn phải đối mặt với những rào cản lớn hơn, bao gồm hạ tầng kỹ thuật còn hạn chế, chi phí truy cập cao, và mức độ phổ biến công nghệ thấp hơn, từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng tiếp cận thông tin một cách chủ động, đầy đủ và nhanh chóng.

Hệ quả của sự khác biệt này không chỉ dừng lại

ở sự chênh lệch trong tiếp cận thông tin, mà còn kéo theo sự bất bình đẳng trong tiếp cận cơ hội học tập, tiếp nhận chính sách, và tham gia vào đời sống chính trị – xã hội. Điều này gợi mở yêu cầu cấp thiết trong việc thiết kế và triển khai các chính sách chuyển đổi số mang tính bao trùm và cân bằng vùng miền, nhằm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin là quyền phổ quát, không bị giới hạn bởi điều kiện địa lý hay hoàn cảnh kinh tế – xã hội.

Từ góc độ chính sách, kết quả nghiên cứu này cũng là một minh chứng thực nghiệm có giá trị, giúp nhà hoạch định chính sách nhận diện rõ mức độ bất bình đẳng thông tin theo không gian địa lý và từ đó đề xuất các giải pháp mang tính hệ thống nhằm thu hẹp khoảng cách số, đảm bảo tính công bằng trong chuyển đổi số quốc gia.

Chỉ tiêu	Thành thị	Nông thôn
Số lượng mẫu khảo sát	150	120
Điểm trung bình tần suất tiếp cận thông tin	4.35	3.72
Độ lệch chuẩn (SD)	0.61	0.74
Giá trị t	—	t = 4.37
Giá trị p	—	p < 0.001

Bảng 1. Bảng thống kê mô tả sự khác biệt về tần suất tiếp cận thông tin giữa thanh niên thành thị và nông thôn

Trên đây là bảng thống kê mô tả sự khác biệt về tần suất tiếp cận thông tin giữa thanh niên thành thị và nông thôn. Bảng này hỗ trợ trực quan hóa các kết quả phân tích t-test độc lập, củng cố cho nhận định về sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trong quyền tiếp cận thông tin giữa các vùng địa lý.

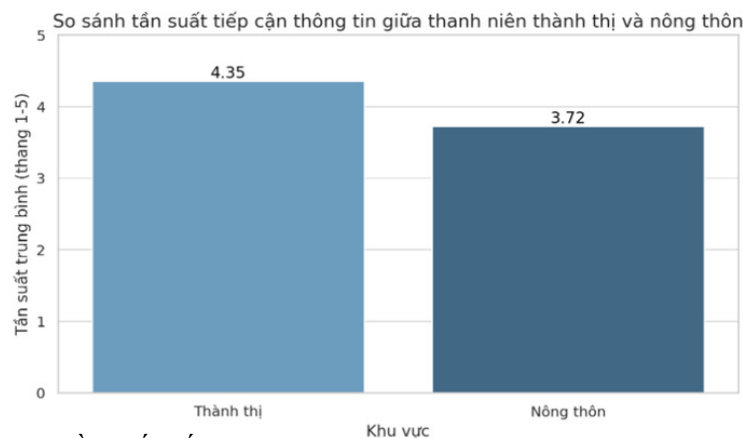
Kết quả kiểm định cho thấy:

Giá trị t = 4.37: Đây là thống kê kiểm định cho biết mức độ khác biệt chuẩn hóa giữa hai nhóm. Giá trị t càng lớn (theo cả chiều dương hoặc âm), mức độ khác biệt càng rõ rệt. Trong trường hợp này, $t > 2$ được xem là dấu hiệu của khác biệt đáng

kể; $t = 4.37$ phản ánh mức độ khác biệt rất mạnh giữa hai nhóm khảo sát.

Giá trị p < 0.001: Đây là xác suất để quan sát được một khác biệt như vậy (hoặc lớn hơn), nếu giả thuyết không có khác biệt là đúng. Giá trị p càng nhỏ, càng có cơ sở bác bỏ giả thuyết không có sự khác biệt (H_0). Với $p < 0.001$, có thể kết luận rằng sự khác biệt giữa hai nhóm là có ý nghĩa thống kê ở mức tin cậy 99,9%, tức khả năng sai lầm khi kết luận có khác biệt là dưới 0,1%.

Bảng số liệu sẽ được trực quan hoá bằng biểu đồ sau đây:



Biểu đồ so sánh tần suất tiếp cận thông tin giữa thanh niên thành thị và nông thôn

Như vậy, với $t = 4.37$ và $p < 0.001$, có thể kết luận một cách chắc chắn rằng thanh niên ở khu vực thành thị tiếp cận thông tin với tần suất cao hơn đáng kể so với thanh niên ở khu vực nông thôn. Kết quả này không chỉ có ý nghĩa thống kê mà còn mang ý nghĩa thực tiễn, cho thấy khoảng cách số theo địa lý là một yếu tố cần được cân nhắc nghiêm túc trong các chính sách đảm bảo quyền tiếp cận thông tin cho giới trẻ.

Đồng thời thông qua biểu đồ trực quan hóa sự khác biệt về tần suất tiếp cận thông tin giữa thanh niên ở khu vực thành thị và nông thôn được khẳng định rõ rệt. Thanh niên thành thị có mức độ tiếp cận thông tin cao hơn đáng kể (trung bình 4.35/5) so với thanh niên nông thôn (3.72/5), làm nổi bật khoảng cách số giữa các vùng địa lý – một yếu tố then chốt ảnh hưởng đến quyền tiếp cận thông tin trong chuyển đổi số.

Về kết quả nghiên cứu định tính

Nghiên cứu định tính được thực hiện thông qua 10 cuộc phỏng vấn bán cấu trúc với các đối tượng thanh niên trong độ tuổi từ 18 đến 30 tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Thái Nguyên và Cần Thơ. Mục tiêu nhằm khai thác sâu hơn các yếu tố tác động đến hành vi tiếp cận và chia sẻ thông tin của giới trẻ trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia. Dữ liệu được xử lý bằng phương pháp phân tích nội dung theo chủ đề (thematic analysis), qua đó phát hiện một số mô hình ý nghĩa sau:

Sự thuận tiện và tốc độ quyết định lựa chọn nguồn thông tin

Phần lớn người tham gia phỏng vấn khẳng định rằng sự nhanh chóng và thuận tiện là tiêu chí chính khi lựa chọn nguồn thông tin. Mạng xã hội được đánh giá là “dễ tiếp cận hơn báo chí chính thống” vì thông tin “hiển thị ngay trên màn hình” và “không cần tìm kiếm thủ công” (Phỏng vấn số 3, nam, 23 tuổi, TP.HCM). Một số ý kiến cho rằng các ứng dụng như TikTok và YouTube đang thay thế dần thói quen đọc tin: “Em không còn đọc báo nữa, cái gì cũng có video tóm tắt rồi, xem 1 phút là hiểu hết” (Phỏng vấn số 6, nữ, 21 tuổi, Đà Nẵng).

Điều này phản ánh xu hướng tiêu thụ thông tin ngắn, trực quan, và có tính giải trí cao, đặt ra yêu cầu đối với các cơ quan truyền thông chính thống trong việc đổi mới cách thức truyền đạt nội dung, đặc biệt trên nền tảng số.

Nghi ngờ và kiểm chứng: Niềm tin có điều kiện

Trái ngược với xu hướng tiếp cận rộng, nhiều thanh niên bày tỏ sự cảnh giác cao độ với thông tin

nhận được trên mạng xã hội. Các phát hiện định tính cho thấy rằng mặc dù sử dụng mạng xã hội thường xuyên, thanh niên vẫn phân biệt rõ giữa “nguồn tin đáng tin” và “nguồn dễ bị thao túng”. Điều này củng cố phát hiện định lượng trước đó về vai trò niềm tin như một cơ chế điều tiết hành vi chia sẻ thông tin. Niềm tin không mang tính tuyệt đối mà được hình thành trong một quá trình sàng lọc, đánh giá lặp đi lặp lại. Đây là một biểu hiện của năng lực truyền thông số đang dần hình thành trong giới trẻ – một yếu tố quan trọng trong việc thực thi quyền tiếp cận thông tin một cách hiệu quả và có trách nhiệm.

Khoảng cách thông tin giữa các nhóm xã hội

Một điểm nổi bật từ dữ liệu phỏng vấn là sự khác biệt rõ rệt về cơ hội tiếp cận thông tin giữa thanh niên ở khu vực thành thị và nông thôn. Điều này không chỉ xác nhận dữ liệu định lượng về khoảng cách số theo vùng địa lý, mà còn cho thấy nguy cơ bị thiệt thòi trong tiếp cận thông tin chính thống của một bộ phận thanh niên, từ đó ảnh hưởng đến mức độ tham gia vào các hoạt động công, quyền phản biện và khả năng tiếp cận các dịch vụ công.

Thông tin chính sách “xa lạ”, “khó hiểu”, “không hấp dẫn”

Một chủ đề nổi bật trong các cuộc phỏng vấn là thái độ thờ ơ hoặc cảm giác xa cách của giới trẻ đối với thông tin chính sách nhà nước. Khi được hỏi về nguồn thông tin liên quan đến chính sách, hầu hết người tham gia đều trả lời rằng họ “không quan tâm”, “khó hiểu”, hoặc “không biết bắt đầu từ đâu”. Kết quả này chỉ ra khoảng cách giao tiếp giữa cơ quan nhà nước và thanh niên, không chỉ ở kênh tiếp cận mà còn ở ngôn ngữ, hình thức và cách thức truyền tải. Điều này có thể hạn chế nghiêm trọng hiệu quả truyền thông chính sách và năng lực tham gia công của giới trẻ – vốn là đối tượng cần được định vị như trung tâm trong tiến trình chuyển đổi số. Dữ liệu định tính đã củng cố và bổ sung cho những phát hiện định lượng, cho thấy rằng thanh niên Việt Nam hiện nay có xu hướng tiếp cận thông tin mạnh mẽ qua nền tảng số, nhưng mức độ tin tưởng có điều kiện, khả năng tiếp cận vẫn chịu ảnh hưởng bởi vị trí địa lý, và thông tin chính sách còn xa lạ, thiếu hấp dẫn với nhóm này. Những yếu tố này cần được nhận diện đầy đủ để thiết kế các can thiệp chính sách phù hợp, từ đó hiện thực hóa quyền tiếp cận thông tin một cách công bằng, hiệu quả và toàn diện trong thời đại số.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy giới trẻ Việt Nam hiện nay chủ yếu tiếp cận thông tin qua mạng xã hội (78%), trong khi các kênh chính thống như công thông tin nhà nước hay báo chí chỉ chiếm khoảng 40%. Sự dịch chuyển này phản ánh xu hướng ưu tiên tốc độ và tiện lợi hơn là tính xác thực thông tin. Về yếu tố ảnh hưởng, kỹ năng số có tác động tích cực đến tần suất tiếp cận thông tin hữu ích ($\beta=0.52$, $p<0.001$), và khu vực cư trú tạo ra chênh lệch rõ rệt: thanh niên thành thị tiếp cận thông tin nhiều hơn thanh niên nông thôn ($M_{thị}=4.35$; $M_{nt}=3.72$; $t=4.37$; $p<0.001$).

Niềm tin vào nguồn tin chính thống cũng ảnh hưởng tích cực đến hành vi chia sẻ thông tin ($r=0.46$, $p<0.01$).

Tuy nhiên, thanh niên còn gặp nhiều khó khăn như kỹ năng kiểm chứng thông tin hạn chế (57.6% không thường kiểm tra độ tin cậy), lệ thuộc vào thuật toán mạng xã hội và thờ ơ với thông tin chính sách. Cuối cùng, nghiên cứu chỉ ra rằng chính sách hiện hành chưa đầy đủ: Luật Tiếp cận Thông tin thực thi chưa hiệu quả, giáo dục công dân số còn thiếu hụt, và các chính sách số còn thiên về kỹ thuật, chưa chú trọng đến khía cạnh xã hội và xây dựng niềm tin.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Thị Hải. 2014. "Về quyền tiếp cận thông tin hiện nay." *Quản lý nhà nước* 11, số 226: 96-98.
2. Bùi Thị Hải. 2016. "Quyền tiếp cận thông tin trong quản lý hành chính nhà nước ở Việt Nam hiện nay." Luận án tiến sĩ Luật học.
3. Bun Chom Vông Phết. 2002. "Thông tin đại chúng góp phần củng cố và tăng cường quyền lực chính trị của nhân dân lao động ở cộng hòa dân chủ nhân dân Lào trong giai đoạn hiện nay." Luận án tiến sĩ Khoa học Chính trị.
4. Đào Mộng Điệp. 2014. "Quyền tiếp cận thông tin của người lao động trong pháp luật lao động Việt Nam." *Tạp chí Luật học*, số 9: 10-15.
5. Đào Trí Úc, Vũ Công Giao, Nguyễn Đăng Dung, và Lê Khánh Tùng. 2015. *Những điều cần biết về Luật Tiếp cận thông tin*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.